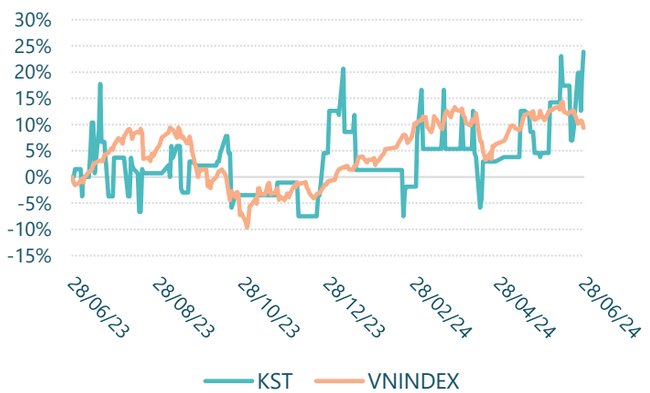
CTCP KASATI (HNX: KST)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	15,400 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	**18.5%**	**17.6%**	**18.5%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,500 - 15,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	92
Số lượng CPLH (CP)	5,992,020
KLGD BQ 20 phiên (CP)	795
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.47
EPS	1,242
P/E	12.4

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

44.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼150 | -77.1%

YoY: ▲ 15.3 | 52.4%

Nợ/VCSH

Q2/24

237%

YoY: +/-▼ 21.5%

LN gộp

Q2/24

5.71

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.56 | -38.4%

YoY: ▲ 0.52 | 10.0%

ROE (TTM)

Q2/24

10.5%

YoY: +/-▼ 0.5%

LN trước thuế

Q2/24

1.16

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.00 | -77.4%

YoY: ▼1.00 | -46.1%

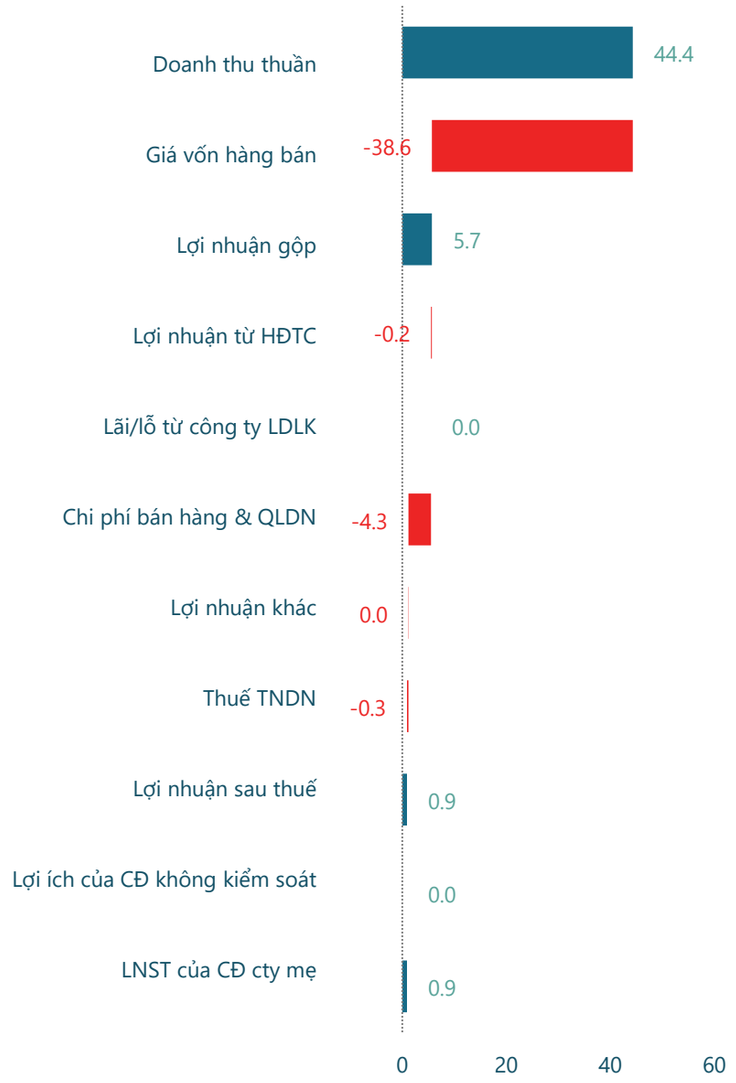
ROA (TTM)

Q2/24

3.5%

YoY: +/-▲ 0.1%

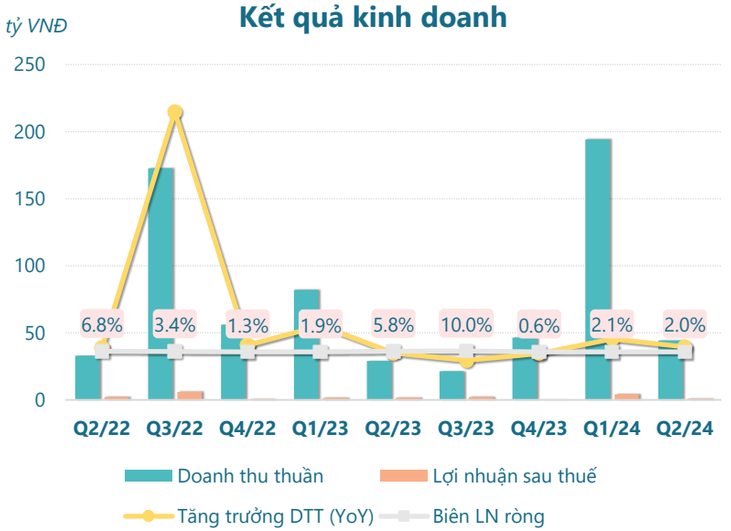
Kết quả kinh doanh Q2/24



CTCP KASATI (HNX: KST)

FireAnt

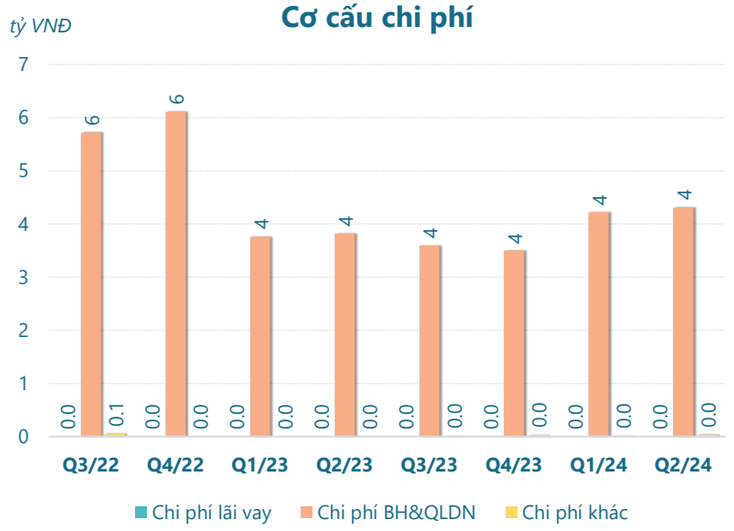
Kết quả kinh doanh



Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 1.20 tỷ đồng**, giảm đi 76.8% so với kỳ trước và thấp hơn 44.4% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.20 tỷ đồng** giảm đi 267% so với kỳ trước và thấp hơn 125% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.03 tỷ đồng** giảm đi 0.02 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.03 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

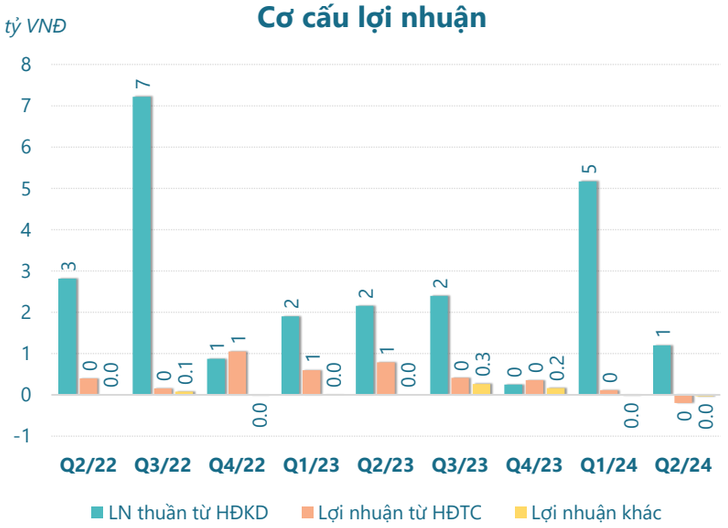
Cơ cấu chi phí



Kết quả kinh doanh của **KST** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **44.35 tỷ đồng** tăng thêm **52.6%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.90 tỷ đồng**, **giảm sút 46.7%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **239.0 tỷ đồng** cao hơn 115% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 5.00 tỷ đồng** cao hơn 66.7% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **4.31 tỷ đồng** tăng thêm 2.13% so với kỳ trước và cao hơn 12.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.03 tỷ đồng** tăng thêm 200% so với kỳ trước và tăng thêm 0.03 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP KASATI (HNX: KST)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**44.4**	**194**	**-77.1%**	**29.1**	**52.4%**	**239**	**111**	**115%**
Giá vốn hàng bán	38.6	185	-79.1%	23.9	61.7%	224	101	122%
Lợi nhuận gộp	5.71	9.27	-38.4%	5.19	10.0%	15.0	10.3	46.1%
Doanh thu HĐTC	1.37	0.15	814%	0.79	73.5%	1.52	1.39	9.3%
Chi phí TC	1.57	0.03	5133%	0.00		1.60	0.00	51789%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.31**	**4.22**	**2.2%**	**3.82**	**12.9%**	**8.53**	**7.58**	**12.5%**
LN thuần từ HĐKD	1.20	5.17	-76.8%	2.16	-44.6%	6.36	4.06	56.7%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**-0.01**	**-231%**	**0.00**		**-0.05**	**0.00**	**-31839%**
LN trước thuế	1.16	5.16	-77.4%	2.16	-46.1%	6.32	4.06	55.6%
Lợi nhuận sau thuế	**0.90**	**4.12**	**-78.3%**	**1.69**	**-47.0%**	**5.02**	**3.21**	**56.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.90**	**4.12**	**-78.3%**	**1.69**	**-47.0%**	**5.02**	**3.21**	**56.3%**

